

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

Số: /2023/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Thành phố H, ngày 19 tháng 01 năm 2023***QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 466/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, cụ thể:

+ Rút lại yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 941/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 24/04/1995 theo TL02/CT UB cho ông Đỗ Văn L;

+ Rút lại yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả lại số tiền là 108.000.000 mà ông Nguyễn Văn B là cha của bà Nguyễn Thị Kim Kh đã trả tiền thuê cho ông Đỗ Văn L từ ngày 22/5/2006 đến ngày 22/5/2012.

+ Rút lại yêu cầu Tòa án công nhận diện tích 6,9m² thuộc một phần thửa số 2 tờ bản đồ số 37 tại phường B, quận T do gia đình bà Nguyễn Thị Kim Kh đang sử dụng là của gia đình bà Nguyễn Thị Kim Kh (cha là Nguyễn Văn B) theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc lập ngày 02/01/2020 phát hành ngày 03/01/2020 của Trung tâm Đo đạc bản đồ Thành phố H lập.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

2.1/ Các đương sự thống nhất với Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 02/01/2020 phát hành ngày 03/01/2020. Đề nghị Tòa án căn cứ vào Bản đồ hiện trạng vị trí này để làm cơ sở giải quyết vụ án.

2.2/ Phía nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị Th, ông Đỗ Khắc H, bà Đỗ Thị Ph, bà Đỗ Thị H1, bà Đỗ Thị Y, bà Đỗ Thị L1, ông Đỗ Văn Th và bà Đỗ Thị Y1

là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Văn L công nhận phần diện tích 6,9m² thuộc một phần thửa đất số 2 tờ bản đồ số 37-TL2005 phường B, quận T, theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 02/01/2020 phát hành ngày 03/01/2020 thuộc quyền sử dụng của phía bị đơn gồm bà Nguyễn Thị Kim Kh, bà Nguyễn Thị Kim B1, ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị Kim Ph1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B và bà

2.3/ Phía bị đơn gồm bà Nguyễn Thị Kim Kh, bà Nguyễn Thị Kim B1, ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị Kim Ph1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B và bà công nhận phần diện tích 12,5m² thửa đất số 238, tờ bản đồ số 04 xã H, huyện B nay thuộc một phần thửa đất số 50 tờ bản đồ số 34-TL2005 phường B, quận T, theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 02/01/2020 phát hành ngày 03/01/2020 thuộc quyền sử dụng của phía nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị Th, ông Đỗ Khắc H, bà Đỗ Thị Ph, bà Đỗ Thị H1, bà Đỗ Thị Y, bà Đỗ Thị L1, ông Đỗ Văn Th và bà Đỗ Thị Y1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Văn L.

2.4/ Phía nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị Th, ông Đỗ Khắc H, bà Đỗ Thị Ph, bà Đỗ Thị H1, bà Đỗ Thị Y, bà Đỗ Thị L1, ông Đỗ Văn Th và bà Đỗ Thị Y1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Văn L đồng ý giao cho phía bị đơn gồm bà Nguyễn Thị Kim Kh, bà Nguyễn Thị Kim B1, ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị Kim Ph1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B và bà phần diện tích 12,5m² thửa đất số 238, tờ bản đồ số 04 xã H, huyện B nay thuộc một phần thửa đất số 50 tờ bản đồ số 34-TL2005 phường B, quận T, theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 02/01/2020 phát hành ngày 03/01/2020 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 941/QSDD do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 24/04/1995 theo TL02/CT UB cho ông Đỗ Văn L.

2.5/ Phía bị đơn gồm bà Nguyễn Thị Kim Kh, bà Nguyễn Thị Kim B1, ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị Kim Ph1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B và bà đồng ý thanh toán cho phía nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị Th, ông Đỗ Khắc H, bà Đỗ Thị Ph, bà Đỗ Thị H1, bà Đỗ Thị Y, bà Đỗ Thị L1, ông Đỗ Văn Th và bà Đỗ Thị Y1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Văn L giá trị diện tích 12,5m² thửa đất số 238, tờ bản đồ số 04 xã H, huyện B (nay thuộc một phần thửa đất số 50 tờ bản đồ số 34-TL2005 phường B, quận T), theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 02/01/2020 phát hành ngày 03/01/2020 là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

2.6/ Việc thực hiện các nội dung thỏa thuận như sau:

Đợt 1: Bà Nguyễn Thị Kim Kh đại diện phía nguyên đơn thanh toán 350.000.000 đồng cho phía bị đơn ngay khi Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đợt 2: Bà Nguyễn Thị Kim Ph1 đại diện phía nguyên đơn thanh toán 350.000.000 đồng cho phía bị đơn trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và phía bị đơn giao cho phía nguyên đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 941/QSDD do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 24/04/1995 theo TL02/CT UB cho ông Đỗ Văn L ngay sau khi nhận đủ tiền do phía bị đơn giao.

Ngay sau khi thực hiện xong các nội dung thỏa thuận trên, phía bị đơn được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cập nhật nhập thửa phần diện tích đất 12,5m² thuộc thửa đất số 238, tờ bản đồ số 04 xã H, huyện B (nay thuộc một phần thửa đất số 50 tờ bản đồ số 34-TL2005 phường B, quận T), theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 02/01/2020 phát hành ngày 03/01/2020 cho phía bị đơn

3/ Về chi phí tố tụng gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ, bên nào đã nộp thì bên đó tự chịu.

Phía nguyên đơn đã nộp các chi phí xem xét thẩm định tại **chỗ: đồng**, chi phí đo vẽ: đồng, nguyên đơn đã nộp đủ.

Phía bị đơn đã nộp các chi phí xem xét thẩm định tại **chỗ: đồng**, chi phí đo vẽ: đồng, bị đơn đã nộp đủ.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi. Hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/003489 ngày 14/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự

- Bị đơn phải chịu tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 16.000.000 (mười sáu triệu đồng), được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông Tất H2 đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/003489 ngày 14/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Tất H2 đã nộp đủ.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Tp.H;
- VKSND Cấp cao tại Tp.H;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp H;
- Cục thi hành án dân sự Tp.H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thủy

